

Số: 1055/TM-TTKSBT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 9 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ THUỐC

Kính gửi: Quý Công ty

Trước tiên, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Hồ Chí Minh chân thành cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty trong thời gian vừa qua.

Trung tâm hiện đang có nhu cầu mua thuốc, kính mời Quý Công ty quan tâm vui lòng chào giá ghi đầy đủ các nội dung như sau:

❖ Thư mời chào giá:

- (1) **Tính năng kỹ thuật của thuốc** (tên thuốc, hoạt chất, nhóm thuốc, nồng độ/ hàm lượng, nhóm TCKT, đường dùng, dạng bào chế, giấy phép lưu hành sản phẩm, nhà sản xuất, nước sản xuất, đơn vị tính, quy cách, đơn giá,...): đảm bảo giống nội dung xuất hóa đơn của công ty. Quyết định trúng thầu (nếu có)
- (2) **Đơn giá hàng hóa:** bằng tiền đồng Việt Nam **đã bao gồm VAT**, giá đã trừ chiết khấu và đã bao gồm các chi phí khác (nếu có).
- (3) **Thành tiền:** Số lượng * Đơn giá (+VAT)
- (4) **Hiệu lực của bảng báo giá:** tối thiểu 90 ngày
- (5) **Hình thức thanh toán.**

❖ Hồ sơ pháp lý công ty và hồ sơ chứng minh tính hợp lệ của sản phẩm Quý công ty vui lòng ghi đầy đủ các thông tin theo danh mục yêu cầu và gửi:

❖ Thư báo giá (*theo mẫu đính kèm*) và hồ sơ gửi về địa chỉ: Khoa Dược – Thiết bị y tế - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ số 366A Âu Dương Lân, phường Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh (liên hệ: Khoa Dược – VTYT. Số ĐT: 0909408895. Line: 261; Ds Lê Ngọc Hân Sdt: 0931477580).

❖ Báo giá file mềm gửi email: khoa.duocvtyt.hcdc@gmail.com

Thư báo giá có đóng dấu của đơn vị, bỏ vào phong bì dán kín, đóng dấu niêm phong; ngoài bì thư ghi rõ “Thư báo giá theo yêu cầu báo giá số: 1055/TM-TTKSBT ngày 29/9/2025”.

Hạn chót nhận báo giá: 16 giờ 00 phút ngày 14/10/2025.

Trân trọng ././

Nơi nhận:

-Như trên;
-Lưu: VT, K.D-TBYT
(LNH-NLH, 4b).

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hồng Tâm

TÊN CÔNG TY:

Địa chỉ:

SĐT:

Email:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG CHÀO GIÁ THUỐC

Kính gửi: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành Phố Hồ Chí Minh

Theo Thư mời báo giá số 1055/TM-TTKSBT ngày 29/9/2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành Phố Hồ Chí Minh, công ty chúng tôi báo giá như sau:

STT	STT trong thư mời chào giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất/ Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GDKL H hoặc GPNK	Xuất xứ		Đơn vị tính	Giá kê khai	Đơn giá chào (có VAT)	Số lượng	Thành tiền	Kết quả trúng thầu trong vòng 12 tháng (nếu có)					
											Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất						Tên TT/BV/SYT	Số quyết định trúng thầu	Ngày quyết định trúng thầu	Đơn giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu



DANH MỤC THUỐC

(Đính kèm thư mời báo giá số 1055/TM-TTKSBT ngày 29/9/2025 của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Tên hoạt chất/ Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Virus đại bất hoạt (chủng L. Pasteur 2061/Vero được nhân giống trên tế bào Vero)	≥ 2,5 IU/0,5ml	Tiêm bắp/ Tiêm trong da	Bột đông khô pha tiêm	Hộp đựng 10 lọ vắc xin đơn liều, 10 ống đựng môi hoàn nguyên vắc xin (0,5ml/ống) và 10 xy lanh vô trùng	5	Lọ	6500	
2	Mỗi liều vắc xin hoàn nguyên 0,5ml chứa: Virus đại bất hoạt (chủng Wistar Rabies PM/WI 38 1503-3M) 3,25 IU (hàm lượng đo theo chuẩn quốc tế và thử nghiệm ELISA)	3.25 IU/0.5ml/liều	Tiêm bắp, tiêm trong da	Vắc xin bột đông khô và dung môi hoàn nguyên	Hộp 1 lọ, lọ 1 liều vắc xin đông khô, kèm 1 bơm tiêm nạp sẵn 0,5ml dung môi NaCl 0,4%; Hộp 10 lọ, mỗi lọ 1 liều vắc xin đông khô, kèm 10 bơm tiêm, mỗi bơm tiêm nạp sẵn 0,5ml dung môi NaCl 0.4%	1	Lọ	5000	
3	Virus đại bất hoạt (chủng Pitman moore, được nhân giống trên tế bào Vero)	≥ 2,5 IU/0,5ml	Tiêm bắp/ tiêm trong da	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ bột đông khô đơn liều, 1 ống dung môi hoàn nguyên NaCl 1,5mg/0,5ml và 1 xy lanh vô trùng	5	Lọ	1500	
4	Mỗi 2ml dung dịch chứa: Rotavirus G1 human-bovine reassortant ≥2,2 triệu IU; Rotavirus G2 human-bovine reassortant ≥2,8 triệu IU; Rotavirus G3 human-bovine reassortant ≥2,2 triệu IU; Rotavirus G4 human-bovine reassortant ≥2,0 triệu IU; Rotavirus P1A(8) human-bovine reassortant ≥2,3 triệu IU	2ml	Uống	Dung dịch uống	Hộp 10 túi x 1 tuýp nhựa 2ml	1	Tuýp	100	
5	Mỗi liều 1,5ml chứa Rotavirus ở người sống giảm độc lực, chủng RIX4414 ≥ 106.0 CCID50	≥ 106.0 CCID50	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 1 ống x 1,5ml	1	Ống	200	
6	Giải độc tố uốn ván tinh chế	≥ 40 IU/0,5ml	Tiêm bắp sâu	Hỗn dịch tiêm	Hộp 20 ống (0,5ml/ống chứa 1 liều vắc xin)	4	Ống	2600	
7	Giải độc tố uốn ván tinh chế; Giải độc tố bạch hầu tinh chế	Ít nhất 20 đvqt giải độc tố uốn ván tinh chế; ít nhất 2 đvqt giải độc tố bạch hầu tinh chế/0,5ml	Tiêm bắp sâu	Hỗn dịch tiêm	Hộp 20 ống, mỗi ống chứa 0,5ml -1 liều	4	Ống	1000	
8	Mỗi liều 0,5ml chứa: - Giải độc tố uốn ván 5 Lf; - Giải độc tố bạch hầu 2 Lf; - Ho gà vô bào: Giải độc tố ho gà (PT) 2,5mcg; Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) 5mcg; Pertactin (PRN) 3mcg; Ngưng kết tố 2 + 3 (FIN) 5mcg	0.5ml/ liều	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Hộp 1 lọ x 1 liều; Hộp 5 lọ x 1 liều	1	Lọ	4000	
9	Một liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu ≥ 30IU.; Giải độc tố uốn ván ≥ 40IU.; Các kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà (PT) 25 microgam, Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) 25 microgam; Virus bại liệt (bất hoạt): Typ 1 (chủng Mahoney) 40 DU, Typ 2 (chủng MEF-1) 8 DU, Typ 3 (chủng Saukett) 32 DU	0.5ml/ liều	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Hộp 1 bơm tiêm có gắn sẵn kim tiêm, nạp sẵn 1 liều (0,5ml); Hộp 1 bơm tiêm không gắn kim tiêm, nạp sẵn 1 liều (0,5ml), kèm với 02 kim tiêm; Hộp 10 bơm tiêm có gắn sẵn kim tiêm, mỗi bơm tiêm nạp sẵn 1 liều (0,5ml)	1	Bơm tiêm	900	
10	Mỗi liều 0,5ml chứa: Giải độc tố bạch hầu: không dưới 20 IU; Giải độc tố uốn ván: không dưới 40 IU; Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà (PT): 25mcg, Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA): 25mcg; Virus bại liệt (bất hoạt): Typ 1 (Mahoney): 40 đơn vị kháng nguyên D, Typ 2 (MEF-1) 8 đơn vị kháng nguyên D, Typ 3 (Saukett) 32 đơn vị kháng nguyên D; Kháng nguyên bề mặt viêm gan B: 10mcg; Polysaccharide của Haemophilus influenzae typ b (Polyribosylribitol Phosphate): 12mcg cộng hợp với protein uốn ván 22-36 mcg	0.5ml/ liều	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Hộp 1 bơm tiêm nạp sẵn 1 liều (0,5ml) và 2 kim tiêm; Hộp 10 bơm tiêm nạp sẵn 1 liều (0,5ml) và 20 kim tiêm; Hộp 10 lọ, lọ 1 liều (0,5ml)	1	Bơm tiêm	300	

STT	Tên hoạt chất/ Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
11	Sau khi hoàn nguyên 01 liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu $\geq 30IU$; Giải độc tố uốn ván $\geq 40IU$; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 25mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi 25mcg và Pertactin 8mcg; Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B 10mcg; Virus bại liệt týp 1 bất hoạt (chủng Mahoney) 40DU; Virus bại liệt týp 2 bất hoạt (chủng MEF-1) 8DU; Virus bại liệt týp 3 bất hoạt (chủng Saukett) 32DU; Polysaccharide của Haemophilus influenza týp b 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván như protein chất mang	$\geq 30 IU$; $\geq 40 IU$; 25 mcg; 25 mcg; 8 mcg; 10mcg; 40 DU; 8 DU; 32 DU; 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván	Tiêm bắp	Bột đông khô Hib và hỗn dịch (DTPa-HBV-IPV) để pha hỗn dịch tiêm	Hộp chứa 1 bơm tiêm đóng sẵn DTPa-HBV-IPV, 1 lọ bột đông khô Hib và 2 kim tiêm	5	Liều	300	
12	Mỗi liều 0,5ml chứa Virus viêm gan A (chủng GBM) bất hoạt 80U	0.5ml/liều	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Hộp 1 bơm tiêm nạp sẵn 1 liều (0,5ml)	1	Bơm tiêm	500	
13	Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg (độ tinh khiết $\geq 95\%$)	20mcg/1ml	Tiêm bắp sâu	Hỗn dịch tiêm	Hộp 25 lọ x 1ml	5	Lọ	700	
14	Kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B tinh khiết $\approx 20mcg/1ml$	Kháng nguyên bề mặt của virus viêm gan B tinh khiết; 20mcg/1ml	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Hộp 10 lọ x 1ml	4	Lọ	2000	
15	Mỗi liều 1,0ml chứa: Hepatitis A virus antigen (HM175 strain) 720 Elisa units; r-DNA Hepatitis B Virus surface antigen (HBsAg) 20mcg	720 Elisa units; 20mcg	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Hộp 01 bơm tiêm đóng sẵn một liều vắc xin (1.0 ml) và 1 kim tiêm	1	Hộp	2000	
16	Mỗi liều 0,5ml chứa: Protein màng ngoài não mô cầu nhóm B 50 μ g; Polysaccharide vỏ não mô cầu nhóm C 50 μ g	50 μ g/0,5ml 50 μ g/0,5ml	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Hộp 10 lọ x 0,5ml (1 liều)	5	Lọ	600	
17	Mỗi liều (0,5 ml) có chứa: - Protein tổng hợp (fusion protein) NHBA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. - Protein NadA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. - Protein tổng hợp fHbp Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. - Túi màng ngoài từ Neisseria meningitidis nhóm B chủng NZ98/254 được đo bằng tổng lượng protein có chứa PorA P1.4: 25mcg	Mỗi liều (0,5 ml) có chứa: - Protein tổng hợp (fusion protein) NHBA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. - Protein NadA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. - Protein tổng hợp fHbp Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. - Túi màng ngoài từ Neisseria meningitidis nhóm B chủng NZ98/254 được đo bằng tổng lượng protein có chứa PorA P1.4: 25mcg	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Hộp chứa 01 bơm tiêm đóng sẵn 01 liều và 02 kim tiêm	1	Hộp	3500	
18	1 liều (0,5 ml): - Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp) 4 μ g (mcg); - Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp) 4 μ g (mcg); - Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp) 4 μ g (mcg); - Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W-135) (đơn giá cộng hợp) 4 μ g (mcg); - Protein giải độc tố Bạch hầu (Protein mang cộng hợp polysaccharide đối với tất cả các nhóm huyết thanh)*(* Lượng giải độc tố Bạch hầu là lượng ước tính và phụ thuộc vào tỉ số giữa polysaccharide cộng hợp và protein) 48 μ g (mcg).	0.5ml/liều	Tiêm bắp	Dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ, lọ 1 liều x 0,5ml	5	Lọ	3500	
19	Một liều (0,5ml) chứa 1 mcg polysaccharide của các týp huyết thanh 11,2, 51,2, 6B1,2, 7F1,2, 9V1,2, 141,2, 23F1,2 và 3 mcg của các týp huyết thanh 41,2, 18C1,3, 19F1,4	1mcg; 3mcg	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Hộp chứa 1 bơm tiêm đóng sẵn 1 liều (0,5ml) vắc xin và 1 kim tiêm	5	Liều	500	
20	Mỗi liều vắc-xin (0,5 ml) chứa 25mcg mỗi loại trong số 23 loại huyết thanh polysaccharide của phế cầu khuẩn Đan Mạch: 1, 2, 3, 4, 5, 6B, 7F, 8, 9N, 9V, 10A, 11A, 12F, 14, 15B, 17F, 18C, 19A, 19F, 20, 22F, 23F, 33F	0,5ml	Tiêm bắp hoặc tiêm dưới da	Dung dịch tiêm	Hộp chứa 1 bơm tiêm đóng sẵn 0,5ml kèm 2 kim tiêm riêng biệt	1	Bơm tiêm	600	

STT	Tên hoạt chất/ Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
21	Mỗi liều vắc xin 0,5ml sau khi hoàn nguyên chứa: Tuýp huyết thanh 1 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 3,3 \log 10$ PFU; Tuýp huyết thanh 2 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 2,7 \log 10$ PFU; Tuýp huyết thanh 3 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 4,0 \log 10$ PFU; Tuýp huyết thanh 4 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 4,5 \log 10$ PFU	Mỗi liều vắc xin 0,5ml sau khi hoàn nguyên chứa: Tuýp huyết thanh 1 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 3,3 \log 10$ PFU; Tuýp huyết thanh 2 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 2,7 \log 10$ PFU; Tuýp huyết thanh 3 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 4,0 \log 10$ PFU; Tuýp huyết thanh 4 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 4,5 \log 10$ PFU	Tiêm dưới da	Bột pha tiêm	Mỗi lọ bột chứa 1 liều vắc xin. Hộp 1 lọ bột và 1 xylanh bơm sẵn dung môi và 2 kim tiêm	1	Liều	2500	
22	Mỗi liều 0,5ml sau hoàn nguyên chứa 50mcg kháng nguyên gE tái tổ hợp của vi rút Varicella Zoster (VZV) được bổ trợ với AS01B	Mỗi liều 0,5ml sau hoàn nguyên chứa 50mcg kháng nguyên gE tái tổ hợp của vi rút Varicella Zoster (VZV) được bổ trợ với AS01B	Tiêm bắp	Bột và hỗn dịch pha hỗn dịch tiêm	Hộp 1 lọ bột đông khô chứa 50mcg kháng nguyên gE tái tổ hợp của vi rút Varicella Zoster và 1 lọ chứa 0,5ml hỗn dịch chất bổ trợ AS01B	5	Hộp	1000	
23	Virus viêm não Nhật Bản bất hoạt, tinh khiết (chủng SA 14-14-2)	3mcg/0,5ml	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Lọ vắc xin 3 mcg/0,5ml, Hộp 10 lọ	5	Lọ	200	
24	Virus viêm não Nhật Bản bất hoạt, tinh khiết (chủng SA 14-14-2)	6mcg/0,5ml	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Lọ vắc xin 6 mcg/0,5ml, Hộp 10 lọ	5	Lọ	200	
25	Mỗi liều 0,5 ml vắc xin hoàn nguyên chứa: Virus Viêm não Nhật Bản chủng SA14-14-2 tái tổ hợp, sống, giảm độc lực	4,0 - 5,8 log PFU	Tiêm	Bột đông khô	Hộp 01 lọ 01 liều vắc xin bột đông khô và 01 lọ 01 liều dung môi dung dịch NaCl 0,4% vô khuẩn (0,5ml) kèm 01 bơm tiêm và 02 kim tiêm	5	Lọ	1000	
26	Mỗi liều 1,5ml vắc xin chứa: V.cholerae O1, El Tor, Phil.6973 (bất hoạt bằng formaldehyde) 600E.U.LPS; V.cholerae O139, 4260B (bất hoạt bằng formaldehyde) 600 E.U.LPS; V.cholerae O1, Cairo 50 (bất hoạt bằng formaldehyde) 300 E.U.LPS; V.cholerae O1, Cairo 50 (bất hoạt bằng nhiệt độ); V.cholerae O1, Cairo 48 (bất hoạt bằng nhiệt độ) 300 E.U.LPS	1,5ml	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 10 lọ x 1,5ml - 1 liều	4	Lọ	1600	
27	Bơm tiêm nạp sẵn 1 liều vắc-xin (0,5 ml) chứa: Tinh chế từ vỏ Vi polysaccharid của vi khuẩn thương hàn Salmonella typhi (chủng Ty2) 25mcg	25mcg/ 0,5ml/ liều	Tiêm bắp hay tiêm dưới da	Dung dịch tiêm	Hộp 1 bơm tiêm nạp sẵn 1 liều vắc xin 0,5 ml	1	Bơm tiêm	900	

STT	Tên hoạt chất/ Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
28	Mỗi liều đơn 0,5 ml: Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phé cầu khuẩn 4,4 mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 8 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 10A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 11A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 12F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 15B polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 22F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 33F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; (20 cộng hợp phé cầu khuẩn - saccharid cộng hợp với CRM197)	Mỗi liều đơn 0,5 ml: Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phé cầu khuẩn 4,4 mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 8 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 10A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 11A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 12F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 15B polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 22F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 33F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2 mcg; (20 cộng hợp phé cầu khuẩn - saccharid cộng hợp với CRM197)	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Hộp 1 bơm tiêm đóng sẵn và 1 kim tiêm; Hộp 10 bơm tiêm đóng sẵn và 10 kim tiêm. (Bơm tiêm đóng sẵn 1 liều đơn 0,5ml)	1	Bơm tiêm	5000	
29	Một liều (0,5ml sau khi hoàn nguyên) chứa: Kháng nguyên F ổn định tiền dung hợp của RSV phân nhóm A 0,06mg; Kháng nguyên F ổn định tiền dung hợp của RSV phân nhóm B 0,06mg	Một liều (0,5ml sau khi hoàn nguyên) chứa: Kháng nguyên F ổn định tiền dung hợp của RSV phân nhóm A 0,06mg; Kháng nguyên F ổn định tiền dung hợp của RSV phân nhóm B 0,06mg	Tiêm bắp	Bột và dung môi pha dung dịch tiêm	Hộp gồm 01 lọ bột thuốc, 01 bơm tiêm đóng sẵn dung môi, 01 đầu nối lọ và 01 kim tiêm (01 liều); Hộp gồm 05 lọ bột thuốc, 05 bơm tiêm đóng sẵn dung môi, 05 đầu nối lọ và 05 kim tiêm (05 liều); Hộp gồm 10 lọ bột thuốc, 10 bơm tiêm đóng sẵn dung môi, 10 đầu nối lọ và 10 kim tiêm (10 liều)	1	Lọ	100	
30	Sau khi hoàn nguyên, 1 liều (0,5ml) chứa 120mcg Kháng nguyên RSVPreF3 được bổ trợ với AS01E. RSVPreF3: Glycoprotein F của vi-rút hợp bào hô hấp (RSV) ổn định ở dạng tiền hợp nhất RSVPreF3. Hệ thống chất bổ trợ AS01E gồm chiết xuất từ cây Quillaja Saponaria Molina, phân đoạn 21 (QS-21) 25mcg và 3-O-desacyl-4'-monophosphoryl lipid A (MPL) từ Salmonella Minnesota 25 mcg	Sau khi hoàn nguyên, 1 liều (0,5ml) chứa 120mcg Kháng nguyên RSVPreF3 được bổ trợ với AS01E. RSVPreF3: Glycoprotein F của vi-rút hợp bào hô hấp (RSV) ổn định ở dạng tiền hợp nhất RSVPreF3. Hệ thống chất bổ trợ AS01E gồm chiết xuất từ cây Quillaja Saponaria Molina, phân đoạn 21 (QS-21) 25mcg và 3-O-desacyl-4'-monophosphoryl lipid A (MPL) từ Salmonella Minnesota 25 mcg	Tiêm bắp	Bột và hỗn dịch pha hỗn dịch tiêm	Hộp 1 lọ bột chứa 120mcg kháng nguyên RSVPreF3 và 1 lọ chứa 0,5mL hỗn dịch chất bổ trợ AS01E	1	Hộp	100	
31	Sau khi hoàn nguyên, mỗi liều (0,5ml) chứa Polysaccharide Neisseria meningitidis nhóm A (cộng hợp với protein giải độc tổ uồn vản (chất mang)) 5mcg PSA ~ 15mcg TT; Polysaccharide Neisseria meningitidis nhóm C (cộng hợp với protein giải độc tổ uồn vản (chất mang)) 5mcg PSC ~ 15mcg TT; Polysaccharide Neisseria meningitidis nhóm W-135 (cộng hợp với protein giải độc tổ uồn vản (chất mang)) 5mcg PSW ~7,5mcg TT; Polysaccharide Neisseria meningitidis nhóm Y (cộng hợp với protein giải độc tổ uồn vản (chất mang)) 5mcg PSY ~ 6,5mcg TT	Sau khi hoàn nguyên, mỗi liều (0,5ml) chứa Polysaccharide Neisseria meningitidis nhóm A (cộng hợp với protein giải độc tổ uồn vản (chất mang)) 5mcg PSA ~ 15mcg TT; Polysaccharide Neisseria meningitidis nhóm C (cộng hợp với protein giải độc tổ uồn vản (chất mang)) 5mcg PSC ~ 15mcg TT; Polysaccharide Neisseria meningitidis nhóm W-135 (cộng hợp với protein giải độc tổ uồn vản (chất mang)) 5mcg PSW ~7,5mcg TT; Polysaccharide Neisseria meningitidis nhóm Y (cộng hợp với protein giải độc tổ uồn vản (chất mang)) 5mcg PSY ~ 6,5mcg TT	Tiêm bắp	Bột và dung môi pha dung dịch tiêm	Hộp gồm 1 lọ bột, 1 bơm tiêm đóng sẵn chứa dung môi pha tiêm và 2 kim tiêm	1	Hộp	500	
32	Mỗi liều 0,5ml chứa: Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp)*10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W135) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg *được cộng hợp với chất mang là protein giải độc tổ uồn vản khoảng 55mcg	Mỗi liều 0,5ml chứa: Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp)*10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W135) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg *được cộng hợp với chất mang là protein giải độc tổ uồn vản khoảng 55mcg	Tiêm bắp	Dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ x 1 liều 0,5ml	1	Lọ	500	